

Bản án số: **42/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 23/6/2023

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Giang.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông: Châu Văn Khỏe.

2. Ông: Lương Quang Toán.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Thị Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án thụ lý số: **71/2022/TLST-HNGĐ**, ngày 14 tháng 11 năm 2022, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **09A/2023/QĐXXST-DS**, ngày 12 tháng 5 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số: **10/2023/QĐST-HNGĐ**, ngày 07 tháng 6 năm 2023.

**1. Nguyên đơn:** Chị Tạ Thị B, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Y, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Dương Văn N, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Tạ Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu chị và anh Dương Văn N được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào năm 2014, kể từ khi cưới hỏi anh, chị cư trú tại nhà chồng ở Thôn N, xã Y. Sau khi sinh con được hơn 01 năm thì anh, chị mới đến UBND xã Y, huyện Na Hang, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 01/6/2016. Chị xác định vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thỉnh thoảng có cãi chửi nhau nguyên nhân do anh N thường xuyên rượu chè, không chịu lao động, tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Việc vợ chồng chị mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không đạt kết quả gì, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ cư trú từ tháng 5/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh, chị không còn quan tâm gì đến nhau nữa, kể cả khi con bị ốm chị có điện thoại thông báo cho anh N nhưng anh N cũng không hề đến thăm nom con xem cháu như thế nào. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên cháu là Dương Thị Kim N1, sinh ngày: 08/01/2015 hiện cháu đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu N1 cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Bình quân thu nhập hàng tháng của tôi từ lương, thưởng 8.000.000đ đến 9.000.000đ/tháng (chín triệu đồng) đủ điều kiện kinh tế nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Dương Văn N đến để giải quyết vụ án nhưng anh N đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã Y, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và các giấy triệu tập làm việc cho anh N bằng hình thức gửi qua mẹ anh N và niêm yết công khai do không trực tiếp tổng đạt được văn bản cho anh N nhưng anh N không đến Tòa án để giải quyết vụ án không có yêu cầu phản tố gì, không có ý kiến gì yêu cầu tòa án giải quyết.

Xác minh tại thôn Thôn N, thôn T, đều ở xã Y, huyện Na Hang, được biết như sau: Chị B và anh N đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu chị B không còn chung sống với anh N từ khoảng tháng 5 hoặc tháng 6/2018 cho đến nay, việc chị B, anh N phát sinh mâu thuẫn nhưng không đề nghị thôn N hòa giải do đó về phía thôn không tiến hành hòa giải sự việc. Anh N thường xuyên đi làm xa nhà, còn cụ thể đi làm ở đâu,

làm gì về phía thôn không nắm bắt được do anh N không báo cáo. Hiện nay cháu Dương Thị Kim N1 đang cư trú tại Thôn T, xã Y và do chị Tạ Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ý kiến của cháu Dương Thị Kim N1: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu mong muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi HĐXX vào nghị án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GD); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị B.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tạ Thị B được ly hôn anh Dương Văn N.

Về con chung: Giao cháu Dương Thị Kim N1, sinh ngày: 08/01/2015 cho chị Tạ Thị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Dương Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra tuyên buộc chị Tạ Thị B phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và quyền kháng cáo của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Dương Văn N, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã Y, huyện Na Hang. Việc Tòa án nhân dân huyện Na Hang, thụ lý vụ án trên là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cho các đương sự, anh N đã không có mặt để làm việc, do đó Tòa án không tiến hành mở phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được; thuộc trường hợp Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của BLTTDS. Chị Tạ Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị B và anh Dương Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Việc đương sự trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân là hoàn toàn phù hợp với những chứng cứ, tài liệu mà Tòa án đã thu thập được. HĐXX xét thấy chị B, anh N có thời gian sống ly thân đã lâu, trong thời gian ly thân các bên không còn quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật HN&GD, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị B.

[3] Về con chung: Chị Tạ Thị B xác định vợ chồng chị có 01 con chung tên cháu là Dương Thị Kim N1, sinh ngày: 08/01/2015, hiện cháu N1 đang do chị trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng; khi vợ chồng chị ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu N1 nguyện vọng của cháu nếu bố, mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ là chị Tạ Thị B. Xét thấy kể từ khi chị B, anh N sống ly thân cháu N1 đã được chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh N đã không quan tâm, chăm sóc tới con. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật HN&GD, HĐXX xét thấy cần giao cháu Dương Thị Kim N1 cho chị Tạ Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp có căn cứ.

[3.1] Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Tạ Thị B không yêu cầu anh Dương Văn N, phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy đây là quyền quyết định, tự định đoạt của đương sự, do đó không buộc anh Dương Văn N phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với ý chí của đương sự. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Tạ Thị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tạ Thị B phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật

Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị B.**

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị B được ly hôn anh Dương Văn N.

Về con chung: Giao cháu Dương Thị Kim N1, sinh ngày: 08/01/2015 cho chị Tạ Thị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Dương Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**2. Về án phí:** Chị Tạ Thị B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, theo biên lai thu tiền tạm ứng phí số: AA/2021/0005034, ngày 14/11/2022.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã Y, huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Trường Giang**

